

Số: 4.12/QĐ- THTTNS

Nam Sách, ngày 26 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TT NAM SÁCH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1985 /QĐ- UBND ngày 23/05/2025 của các cấp có thẩm quyền về việc trích ngân sách huyện từ nguồn cải cách tiền lương, cấp 30% kinh phí còn lại cho các đơn vị có đối tượng giảm biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, ngày 03/06/2023 của Chính phủ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung ngân sách của trường Tiểu học Thị trấn Nam Sách năm 2025 (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Kế toán trường Tiểu học Thị trấn Nam Sách và cán bộ, nhân viên có liên quan, căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính-KH;
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Hiền

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Trường Tiểu học Thị trấn Nam Sách
 Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 4.1/QĐ-THTTNS ngày 26/05/2025 của Trường Tiểu học TT Nam Sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	79.699.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	79.699.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	79.699.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	79.699.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	